

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PH  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST

Ngày: 08/6/2022

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH PHÚ YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Nhật.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Phương;
2. Ông Lê Văn Trường.

*Thư ký phiên tòa:* bà Đỗ Rum Ba – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Bà Lê Hồng Văn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 79/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP BDLV.

Địa chỉ: Số X- THĐ, Phường CN, Quận HK, TP. Hà Nội.

Người đại diện: Ông Trần Tấn V – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP BDLV – Chi nhánh Phú Yên. Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Tấn V: Bà Phan Thị Thu T – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP BDLV – Chi nhánh tỉnh Phú Yên; địa chỉ: Y - HV, phường N, Tp. TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

***Bị đơn:*** Vợ chồng bà Lê Thị H – Sinh năm: 1983, ông Nguyễn Thành L – Sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn ĐT, xã HĐĐ, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Bà H vắng mặt, ông L có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 06/7/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP LV (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 05/02/2021 vợ chồng bà H, ông L có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng vay số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay là vay tiêu dùng, lãi suất cho vay trong hạn là 8,5%/năm theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD 60020210362.

Do vợ chồng bà H, ông L không trả được nợ đến hạn nên khoản vay của bà H, ông L đã bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 11/4/2021, kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn Ngân hàng nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để bà H, ông L trả nợ nhưng hơn 01 năm nay bà H và ông L không trả cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H, ông L cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 97.919.955đ, tiền lãi 10.117.811đ, phạt gốc 2.295.978đ, phạt lãi 560.770đ, tổng số tiền nợ tính đến ngày 08/6/2022 là 110.894.514đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thành L trình bày: Ông L không biết vợ là bà H làm ăn gì mà gây ra nợ nần, ông L có biết việc bà H có vay của Ngân hàng LV số tiền nợ nêu trên, tổng số tiền nợ tính đến ngày 08/6/2022 là 110.894.514đ nhưng chữ ký L, Nguyễn Thành L có trong hồ sơ vay ngân hàng cung cấp không phải là chữ ký của ông L.

Tuy nhiên, vì đây là nợ trong thời kỳ hôn nhân của ông L và bà H, nên ông L cũng thống nhất đây là nợ chung của vợ chồng và đồng ý trả số nợ trên cho Ngân hàng, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, làm ăn không ra tiền, còn phải nuôi hai con nhỏ nên ông L xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi dứt điểm số tiền nợ với Ngân hàng.

Ông L có nhận các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, cam đoan sẽ báo lại cho bà H biết, còn việc bà H có đến Tòa án hay không thì ông L không biết.

Bị đơn bà Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký là đúng qui định. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách người tham gia tố tụng; nguyên đơn, bị đơn ông Nguyễn Thành L chấp hành đúng các quy định pháp luật, bị đơn bà Lê Thị H không chấp hành đúng các quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP BDLV buộc vợ chồng ông L, bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 97.919.955đ, tiền lãi 10.117.811đ, phạt gốc 2.295.978đ, phạt lãi 560.770đ, tổng số tiền nợ tính đến ngày 08/6/2022 là 110.894.514đ. Về án phí: Vợ chồng ông L, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa của những người tham gia tố tụng, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD 60020210362 ngày 05/2/2021 đã ký giữa Ngân hàng và bà H, ông L thì Ngân hàng có cho vợ chồng bà H, ông L vay số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay là vay tiêu dùng, lãi suất cho vay trong hạn là 8,5%/năm. Tính đến ngày 08/6/2022 vợ chồng bà H, ông L còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 97.919.955đ, tiền lãi 10.117.811đ, phạt gốc 2.295.978đ, phạt lãi 560.770đ, tổng số tiền nợ tính đến ngày 08/6/2022 là 110.894.514đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông L thống nhất với nội dung khởi kiện của Ngân hàng, vì đây là nợ chung của vợ chồng ông L, bà H trong thời kỳ hôn nhân nên ông L đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, bị đơn bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án là từ bỏ quyền tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP BDLV buộc vợ chồng ông L, bà H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng nợ gốc 97.919.955đ, tiền lãi 10.117.811đ, phạt gốc 2.295.978đ, phạt lãi 560.770đ, tổng số tiền nợ tính đến ngày 08/6/2022 là 110.894.514đ.

Về phương thức trả nợ: Ông L xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi trả hết số nợ nhưng Ngân hàng không thống nhất, do đó khi án có hiệu lực pháp luật Ngân hàng được quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Bị đơn vợ chồng ông L, bà H phải chịu 5.544.725.đ (làm tròn số 5.544.500đ) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP BDLV.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP BDLV, buộc vợ chồng ông Nguyễn Thành L, bà Lê Thị H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP BDLV nợ gốc 97.919.955đ, tiền lãi 10.117.811đ, phạt gốc 2.295.978đ, phạt lãi 560.770đ, tổng số tiền nợ tính đến ngày 08/6/2022 là 110.894.514đ (*Một trăm mười triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm mười bốn đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thành L, bà Lê Thị H phải chịu 5.544.500đ (*Năm triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần BDLV số tiền tạm ứng án phí 2.584.000đ (*Hai triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004271 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 08/6/2022 vợ chồng ông Nguyễn Thành L, bà Lê Thị H còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà vợ chồng ông L, bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn ông Nguyễn Thành L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn bà Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND.H. PH;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- THADS.H. PH;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Trần Minh Nhật**